**Các nhạc cụ độc đáo trong văn hóa trình diễn của người Mông ở Kỳ Sơn**

**Phúc Văn**

Nghệ thuật trình diễn là một yếu tố văn hóa quan trọng đối với các cộng đồng. Trong đó, âm nhạc như là một món ăn tinh thần, một nét sinh hoạt văn hóa cộng đồng quan trọng. Âm nhạc, ngoài các giai điệu là hệ thống các nhạc cụ đi cùng để thể hiện các giai điệu đó. Và nhạc cụ cũng giữ vai trò thiết yếu trong đời sống tinh thần của con người. Với những người Mông ở huyện Kỳ Sơn, vốn sinh sống trên vùng núi cao, âm nhạc là món ăn không thể thiếu trong đời sống của họ. Âm nhạc giúp họ không cô đơn giữa núi rừng, gắn kết họ lại với nhau hơn và cũng gắn kết người sống với nhau, người sống với người chết, con người với tự nhiên. Các nhạc cụ của người Mông là phương tiện, công cụ để con người thể hiện điều đó. Nhưng trong bối cảnh hiện nay, việc bảo tồn các nhạc cụ hay âm nhạc nói riêng và nghệ thuật trình diễn nói chung cũng đang gặp nhiều thử thách.

1. **Âm nhạc trong đời sống văn hóa của người Mông**

Người Mông ở Nghệ An là một bộ phận quan trọng trong cộng đồng dân tộc Mông ở Việt Nam. Theo các nhà nghiên cứu thì người Mông di cư từ vùng Nam Trung Quốc qua Bắc Việt Nam. Rồi từ đó bắt đầu di cư theo các dãy núi cao đi dần về phía Nam. Hiện nay, người Mông sinh sống ở nhiều vùng khác nhau trong cả nước. Ở Nghệ An, người Mông cũng sinh sống chủ yếu ở vùng cao, thuộc khu vực biên giới phía Tây Nghệ An. Họ có quan hệ chặt chẽ với các nhóm Mông khác ở nhiều vùng trong nước hay bên kia biên giới nước bạn Lào. Và người Mông cũng là một cộng đồng quan trọng trong quá trình phát triển của Nghệ An, đặc biệt là ở vùng miền núi phía Tây.

Theo số liệu của Ban Dân tộc tỉnh Nghệ An thì hiện nay trên địa bàn tỉnh có 39 cộng đồng tộc người cùng sinh sống. Trong đó có 6 dân tộc dân số đông nhất, gồm người Kinh là dân tộc đa số và 5 dân tộc thiểu số là Thái, Thổ, Khơ Mú, Mông, Ơ Đu. Người Mông trên toàn tỉnh có 33.957 người, gồm 17.471 nam và 16.486 nữ. Trong đó, tập trung đông nhất ở các huyện vùng núi cao mà Kỳ Sơn là huyện có nhiều người Mông sinh sống nhất. Người Mông ở Kỳ Sơn có 26.184 nhân khẩu, chiếm hơn 77% người Mông trong cả tỉnh, và chiếm 34,5% dân số huyện Kỳ Sơn. Các xã tập trung nhiều người Mông nhất là xã Huồi Tụ, Mường Lống, Nậm Cắn, Na Ngoi,…

Trong đời sống văn hóa của người Mông ở Nghệ An nói chung và Kỳ Sơn nói riêng, nghệ thuật trình diễn là một nhân tố quan trọng, trong đó có âm nhạc. Nghệ thuật trình diễn gồm nhiều yếu tố, từ các bài hát, bài múa đến các bài khấp, các bài mo, bài cúng trong các nghi lễ, ở một góc độ nào đó cũng được xem là thuộc nghệ thuật trình diễn (trình diễn cho tổ tiên, cho thần linh). Vậy nên, gắn với nghệ thuật biểu diễn cũng có nhiều công cụ, nhạc cụ mang tính đặc trưng. Hầu hết các bản người Mông đều ở vùng núi cao, tương đối biệt lập với các cộng đồng nên các sinh hoạt mang tính hướng nội cao hơn. Quy mô các bản cũng tương đối nhỏ và hay di chuyển. Vậy nên, trong cuộc sống sinh hoạt và sản xuất, ngoài đối diện với nhau thì họ đối diện với tự nhiên. Môi trường tự nhiên vùng núi cao vốn hoang vắng hơn, tĩnh lặng hơn nhưng cũng đầy cảm xúc. Vậy nên, âm nhạc lại có một vai trò quan trọng, làm thăng hoa tinh thần, làm vỡ tan hay xua bớt sự tĩnh lặng của rừng núi ngút ngàn. Gặp gỡ nhau vui vẻ thì họ hát. Những ngày lễ vui vẻ như đám cưới, dịp tết hay làm nhà mới, sau trận rượu thì họ hát, những bài hát vui vẻ. Những lúc có tang ma, họ lại hát những bài hát buồn hơn, để tiễn biệt người chết bên kia thế giới. Lên nương lên rẫy làm việc, họ cũng hát để xua tan sự hoang vắng của núi rừng. Đó là những bản tình ca. Người Mông yêu âm nhạc, xem âm nhạc là một sự thiết yếu của cuộc sống. Trong âm nhạc, họ sáng tạo ra nhiều loại nhạc cụ mang bản sắc của tộc người mình. Họ thổi khèn, thổi sáo, đánh trống… để vui chơi, để chia sẻ. Và những nhạc cụ của người Mông cũng gắn với tình yêu đôi lứa, với tình cảm con người, hay giữa con người với tự nhiên.

1. **Một số loại nhạc cụ quan trọng của người Mông ở Kỳ Sơn**

Khèn “Cệênh” - là một nhạc cụ chính, rất quan trọng trong hệ thống nhạc cụ của người Mông. Thường được làm từ những nguyên vật liệu sẵn có như cây sạc, cây trúc. Khèn gồm 3 phần: Cán khèn, thân khèn và ống khèn. Cán khèn “Cu cạnh” được cấu tạo từ một thanh gỗ đứng hình tròn, phía trên nhỏ và to dần ở phần dưới. Sau khi tìm được loại gỗ tốt không bị cong, người nghệ nhân dùng một thanh sắt dài nung đỏ để đục lỗ từ trên xuống. Đục xong lỗ người ta dùng một lá đồng mỏng hình chữ nhật để quấn ở đầu làm lá thổi. Cách đầu thổi khoảng 40cm xuống phía dưới là một đoạn gỗ tròn to có đục sáu lỗ xuyên qua, gọi là thân khèn. Sáu lỗ này được đục thành ba hàng, mỗi hàng hai lỗ, hai lỗ này được bố trí đối xứng nhau, mỗi hàng cách nhau khoảng 1cm. Sáu lỗ này được đục thông với đầu trên. Ở thân khèn, chủ nhân bố trí các đai buộc ở ngoài. Vừa có tác dụng trang trí, vừa giữ cho thân khèn khỏi bị vỡ, dập trong quá trình sử dụng. Ống khèn “trặng cạnh”: Tại sáu lỗ ở thân khèn, người ta lắp sáu ống khèn. Ống khèn thường được làm bằng đốt cây trúc hoặc cây sạc dài, một đầu để nguyên mấu còn đầu kia cắt bỏ mấu để tạo âm thanh. Tại mỗi ống khèn đều đục lỗ hình chữ nhật khoảng 2-3cm chạy dài theo thân của ống khèn để đặt lưỡi gà bằng đồng, miếng đồng này được lựa chọn rất cẩn thận và kĩ lưỡng. Trên mỗi ống khèn, ngay tại điểm tiếp giáp với thân khèn đều được đục lỗ để tạo các âm thanh hay các nốt nhạc mà người chơi sử dụng. 6 ống khèn có độ dài ngắn khác nhau. Mỗi ống có khả năng tấu một âm, ống dài phát ra âm trầm, ống ngắn phát ra âm bổng.

Khèn không chỉ là nhạc cụ mà trở thành một biểu tượng gắn liền với người Mông. Tiếng khèn có âm thanh chất chứa nỗi lòng, là tiếng của núi rừng, bước chân nhẹ nhàng của loài thú, tiếng vỗ cánh mãnh liệt của loài chim, réo rắt suối nguồn ào ạt thác đổ khi mưa về. Khèn thổi khi đi nương, đi chợ, lấy củi… Chồng thổi khèn đi trước, vợ địu lù cở theo sau. Khèn thổi lúc đi chơi cùng bạn bè, khi nhàn rỗi. Đám ma, lễ hội cũng không thể thiếu khèn.

Khèn được người Mông sử dụng khá rộng rãi ở môi trường sinh hoạt văn hoá, từ vui chơi, lễ hội, tỏ tình cho tới việc tổ chức đám ma, đám giỗ... Ít có trường hợp người Mông thổi Khèn một mình mà họ thường cùng nhau thổi tuỳ theo số lượng lúc bấy giờ. Mỗi bài Khèn của người Mông thường có một bài hát hoặc bài múa đi cùng.

Với cây khèn độc đáo này, người chơi có thể thổi hơi ra, có thể hít hơi vào. Khèn cũng là đạo cụ múa có cấu tạo phù hợp với dáng khum người và các thế quay, nhảy. Nghệ nhân múa khèn với những bước nhún, bước đảo, bước quay hoặc vừa ôm khèn, vừa lăn mình trên đất tạo nên vũ đạo rất đẹp. Tiếng khèn dường như đã trở thành một phương thức để người Mông chuyển tải, thổ lộ những tâm tư nguyện vọng của mình,…

Bắt nguồn từ phong tục, tập quán mà khèn Mông có rất nhiều chủ đề và bài bản. Với tiếng khèn vui, người Mông mời gọi bạn đi chơi xuân, gọi bạn xuống chợ, chúc nhau những điều may mắn,... còn khi buồn, tiếng khèn chậm và trầm, thường thổi trong đám ma để chia buồn cùng gia đình, để tiễn đưa người mất sang bên kia thế giới,… Tiếng khèn vui khiến người nghe có cảm giác hưng phấn, rạo rực, nhưng tiếng khèn buồn có thể khiến người nghe cảm thấy xúc động mạnh mẽ.

Người Mông thường múa khèn khi có đám tang, đám giỗ hoặc trình diễn trong lễ hội. Hiện nay, múa khèn còn được dùng biểu diễn trong những dịp sinh hoạt văn hóa, văn nghệ tại địa phương.

*Múa khèn trong đám tang, đám giỗ*

Khèn Mông giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong tín ngưỡng của người Mông, điều này thể hiện qua đám tang của họ. Khi trong làng có người qua đời, chủ nhà thường mời các thầy khèn có uy tín, hiểu nhiều, biết rộng đến giúp. Trong mỗi đám tang, gia đình tang chủ có thể mời hai hoặc bốn thầy khèn. Các nghệ nhân thổi khèn đóng vai trò như thầy cúng và các nghi lễ đều được thực hành thông qua tiếng khèn.

Tùy vào thời gian diễn ra đám tang mà các nghệ nhân thổi những bài khèn khác nhau. Họ có thể thổi khèn theo giờ (giờ ăn cơm trưa và tối), liên tục từ hai đến bốn ngày. Một bài khèn kéo dài từ 15 - 30 phút. Những lúc nghỉ ngơi hay khi có người đến viếng, họ lại thổi một bài riêng cho phù hợp với hoàn cảnh.

Đám tang của người Mông không buồn bã, thê thảm như đám tang của một số tộc người khác. Khi thầy trống, thầy khèn múa thì người thân, cùng người đến dự đám tang cũng nhảy múa theo, bởi người Mông quan niệm, nếu không có tiếng khèn thì linh hồn người chết sẽ không về được với tổ tiên. Những động tác múa của thầy khèn trong đám ma là đi khom, xoay vòng xung quanh quan tài, vừa thổi khèn vừa đi. Thầy dùng khèn để lạy người chết. Thổi được 20 phút thì gia đình lại rót rượu mời thầy. Có thể vì chút hơi men mà tiếng khèn càng thêm da diết.

Đám giỗ người Mông được diễn ra sau đám tang 13 ngày và không thể thiếu thầy khèn, vì thầy khèn là người chủ trì đám giỗ. Trong ngày giỗ, gia đình có người mất phải chuẩn bị một mâm lễ để cầu linh vị của người mất. Bắt đầu nghi lễ, thầy khèn thổi khèn đi vòng trong nhà rồi đi ra ngoài ngõ. Người thân trong gia đình người mất bưng mâm cầu linh vị đi sau thầy khèn rồi đặt ở trước ngõ. Thầy vừa thổi khèn vừa đi, với động tác cơ bản là đi khom lưng, rồi quỳ thổi khèn trước mâm cầu linh vị. Việc đưa linh vị người mất ra ngoài ngõ mang ý nghĩa mời linh hồn của người mất về để gia đình làm giỗ, thổi hết bài cũng là lúc mời được linh hồn của người mất về. Thầy khèn tiếp tục thổi, gia đình đưa mâm cầu linh vị để đưa linh hồn người mất vào trong nhà. Lúc này, người thân, anh em họ hàng của người đã mất tập trung bên mâm cầu linh vị khóc. Thầy khèn quỳ trước mâm cầu linh vị thổi khèn, thể hiện sự đau xót, tiếc thương của gia đình đối với người đã mất. Sau khi tổ chức xong đám giỗ, coi như linh hồn của người mất đã được về thế giới bên kia và họ thường rất ít khi nhắc đến người mất bởi người Mông không có tục thờ cúng tổ tiên.

*Múa khèn trong lễ hội, sinh hoạt văn hóa, văn nghệ*

Đối với đồng bào dân tộc Mông, trong những dịp lễ hội, Tết đến xuân về không thể thiếu tiếng khèn, cùng với những trò chơi dân gian. Đây được coi như là linh hồn của người Mông gửi gắm và thể hiện tiếng lòng của mình với bạn bè, với cộng đồng, với thiên nhiên, núi rừng và thể hiện giá trị văn hóa, làm nên bản sắc độc đáo riêng của người Mông.

Các bài biểu diễn múa khèn bao giờ cũng có nội dung vui nhộn, mang ý nghĩa chúc tụng và mời bạn bè cùng tụ họp, vui chơi. Tiếng khèn làm quên đi những khó khăn, vất vả sau một năm chăm chỉ lao động mệt nhọc, góp phần gắn kết tình bạn, tình yêu, tình làng xóm với nhau.

Dường như để chống chọi, thích nghi với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, tiếng khèn của người Mông cũng mạnh mẽ, kiên cường như cuộc sống của họ. Tiếng khèn ngấm vào máu thịt, như là phần hồn của người Mông. Người thổi được khèn và biết múa khèn thường đã trải qua một quá trình lao động nghệ thuật bền bỉ, công phu, kiên trì. Bởi khi vừa thổi vừa múa đòi hỏi phải sử dụng nhiều động tác vô cùng nhuần nhuyễn.

Động tác múa khèn rất đa dạng, phong phú: múa nhảy đưa chân, quay đổi chỗ, quay tại chỗ, vờn khèn, lăn nghiêng, lăn ngửa, múa ngồi xổm, đi tiến, đi lùi theo bốn hướng, mỗi bước tiến, bước lùi làm sao chỉ để chân này chạm gót chân kia. Động tác cơ bản là khom lưng, quay hất gót tại chỗ và quay hất gót di động trên vòng quay lớn rồi thu hẹp dần theo hình xoắn ốc…, với tốc độ càng nhanh càng điêu luyện. Đối với các bài khèn vui chơi thì động tác nhảy, múa mãnh liệt, phóng khoáng và khó hơn, như lăn nghiêng, lăn ngửa, đá gà, đá ngựa, nhảy ngồi xổm, tay nọ vỗ vào chân kia, tay kia vỗ vào chân nọ, tiếng vỗ phải kêu, mà tiếng khèn vẫn không dứt.

Nghệ thuật Múa khèn của người Mông còn thể hiện tính cố kết cộng đồng, tinh thần đoàn kết trong đời sống cộng đồng. Tiếng khèn ngấm sâu vào tâm hồn người Mông, thân quen như thắng cố, mèn mén, rượu ngô hay tất cả những gì thân thuộc nhất đã gắn bó với họ từ lúc sinh ra. Bên cạnh đó, nghệ thuật Múa khèn của người Mông cũng chứa đựng những sáng tạo mang tính khoa học độc đáo, được biểu hiện qua tiết tấu đa dạng, biến hóa khi thổi khèn kết hợp với vũ điệu uyển chuyển, nhịp nhàng khi múa.

Với những giá trị lịch sử, văn hóa và khoa học đặc sắc của nghệ thuật Múa khèn của người Mông. Năm 2015, loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian - múa khèn đã được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ký quyết định đưa vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia.

1. **Nguy cơ mai một và mất mát một nét văn hóa truyền thống**

Trống là một loại nhạc cụ, đồng thời là vật thiêng trong đời sống văn hóa của người Mông và chỉ được sử dụng khi có người mất. Trong mỗi làng có ít nhất một chiếc trống, chủ trống phải “nuôi” và chăm sóc, bảo quản trống ở trên gác nhà. Vì là trống thiêng nên rất kiêng kỵ người đến gần hoặc động chạm làm trống kêu.

Quy trình làm trống của người Mông rất đặc biệt, trống được làm ở trong hang đá hoặc ở trên đồi xa để khi thử tiếng không vang đến làng. Trống được làm ra nhằm mục đích sử dụng chung cho cộng đồng, không mua bán, trao đổi. Tang trống làm bằng cây gỗ Trí mò sú - một loại gỗ chắc có độ dẻo quánh, không bị nứt, khi đánh sẽ phát ra âm thanh trầm ấm, vang xa. Người Mông dùng da bò hoặc da trâu để bịt hai mặt trống. Trống làm xong, chủ trống cùng nam giới trong làng tiến hành nghi lễ cúng và treo trống ngay tại hang đá. Sau khi làm xong, chủ trống địu trống về nhà treo trên xà nhà. Gia chủ “nuôi” trống sẽ cúng trống vào ngày đầu tháng, cùng với dịp cúng tổ tiên. Vào ngày Tết, trống được hạ xuống để quét sạch bụi bẩn rồi lại treo lên vị trí cũ.

*Trống là vật thiêng trong đời sống văn hóa người Mông.*

Khi gia đình nào có người mất, người ta sẽ mượn trống để sử dụng trong đám tang. Gia đình tang chủ cử hai người đi mượn và trả trống đảm bảo một đôi từ đầu đến cuối. Khi đến nhà chủ trống, một trong hai người phải rót rượu mời rồi trình bày sự việc. Chủ trống trực tiếp giao trống, khi giao, chủ trống bảo với trống: Anh đi đưa bệnh tật đi, đưa mọi chuyện xấu đi. Anh về mang hồn hoa mầu về đầy nhà, mang hồn con người và gia súc. Anh về mang vàng bạc khắp nhà.

Một người địu trống, còn người đi sau thì đánh trống, trên đường đi, họ đánh 3 tiếng báo hiệu trong làng có người mất. Trống được mang vào rồi treo ngang lên cây vầu ở gian chính giữa nhà, một mặt trống quay vào trong, mặt còn lại quay ra cửa, bên cạnh là một cây khèn, để trống - khèn tiễn hồn người mất.

Tiếng trống là âm thanh nổi bật và đặc trưng nhất trong đám tang. Tùy từng thời điểm diễn ra mà trống được đánh theo các nhịp điệu khác nhau. Hồi trống đánh 3 tiếng là báo hiệu có lễ pav tuôl (có người vừa chết). Hồi trống đánh 2 tiếng là báo hiệu có lễ uôk vaz (lễ cúng lợn). Hồi trống đánh 1 tiếng báo hiệu có lễ uôk nhux đaz (đám ma khô). Kết thúc đám tang, hai người đi mượn trống sẽ có trách nhiệm mang trả trống.

Có thể thấy, “trống thiêng” gắn liền với tín ngưỡng dân gian của người Mông, mang nhiều giá trị lịch sử tộc người và giá trị âm nhạc, phản ánh mối quan hệ giữa thế giới của người đang sống và người đã mất, phản ánh về thế giới quan, nhân sinh quan. Ở đâu có người Mông, ở đó có “trống thiêng”, trống trở thành biểu tượng thiêng liêng được trao truyền từ đời này qua đời khác, tồn tại mãi trong đời sống văn hóa người Mông.

***Sáo, kèn lá, ống hát***

Sáo Mông: Là dạng sáo đơn, có gắn lưỡi gà. Âm thanh của Sáo Mông rất độc đáo, có những tiếng thô đục và rè bên cạnh những tiếng trong trẻo êm ái như tiếng người thủ thỉ, thấm sâu vào lòng người. Người Mông có một số loại sáo như: Sáo dọc là loại sáo có sáu lỗ ứng với sáu nốt nhạc, mặt sau gần trên miệng sáo có một lỗ gió. Trên miệng sáo có đút mẩu gỗ để kẽ thông hơi xuống lỗ gió; Sáo tiêu: Cây sáo tiêu của dân tộc Mông thường nhỏ hơn so với cây sáo tiêu của dân tộc khác. Tiêu cũng có cấu tạo tương tự cây sáo dọc, nhưng trên miệng sáo có đút mẩu gỗ được vát chéo; Sáo ngang: Mặt trên cũng dùi sáu lỗ, nhưng dùi thêm một lỗ phụ, mặt dưới dùi thêm một lỗ nhạc để bấm bằng ngón tay cái khi thổi. Phần tạo ra âm thanh là một chiếc lưỡi gà bằng đồng; và sáo gọi chim: Tương tự như sáo dọc, sáo ngang, sáo tiêu nhưng không có các lỗ bấm theo nốt nhạc, chỉ dài gần một gang tay. Khi thổi điều khiển âm thanh cao thấp, trầm bổng, dài ngắn nhờ bàn tay mở gió ở miệng sáo. Sáo dùng để gọi bạn, gọi chim, bắt trước tiếng cuốc kêu.

Trong dân gian, sáo Mông là nhạc cụ của các chàng trai. Họ thường mang theo như một người bạn đường, bạn trong lao động và là công cụ hỗ trợ đắc lực trong việc chinh phục trái tim các cô gái. Tiếng sáo say đắm gọi người yêu và thổ lộ tâm tình cùng nàng trong những đêm trăng sáng trên các triền núi cao...

Cùng với khèn, sáo thì đàn môi cũng là một trong những nhạc cụ độc đáo của đồng bào người Mông. Đàn môi được làm từ một lá đồng mỏng, có chiều dài khoảng 10 cm, chiều rộng 1cm. Bộ phận chính của đàn môi là một lưỡi gà hình tam giác được cắt thủng ở giữa của miếng đồng. Miếng đồng được cắt hai cạnh của hình tam giác (lưỡi gà) đây chính là bộ phận phát ra âm thanh cho đàn.

Khi diễn tấu, nghệ nhân ngậm ngang đầu cắt gọn của đàn môi, tay phải giữ đầu nhọn cho chắc chắn để khi sử dụng đàn không bị tuột. Còn tay trái dùng ngón tay cái để gẩy vào đầu đã được vặn tròn hai cạnh, đưa ngón cái vào mặt trong của đàn rồi đẩy ra. Lúc đó miếng đồng sẽ rung và lưỡi gà sẽ tạo ra âm thanh.

Tiếng đàn môi thường rất nhỏ nên họ chỉ sử dụng vào lúc đêm khuya thanh vắng hay những lúc yên tĩnh để tỏ tình hay mượn tiếng đàn để giãi bày tâm sự.

**Kèn lá** - Sung plộng: Người Mông thường sử dụng kèn lá những lúc nông nhàn, lúc trên đường đi nương hay lúc ngồi nghỉ ở một gốc cây nào đó... Họ sử dụng kèn lá để tỏ tình hoặc để tâm sự với nhau, cũng có trường hợp người con trai, con gái hẹn nhau, tìm nhau thông qua một khúc nhạc, một giai điệu của kèn lá...

Lá sử dụng làm kèn môi phải là thứ lá tương đối mỏng, trơn, bóng mặt và không có lông, thường thì đó là lá nghiến, lá cây thảo quả... những loại lá này có chiều dài khoảng 4-5cm chiều rộng 2-3cm.

Có nhiều cách thổi kèn lá, nhưng thường họ sử dụng theo hai cách như: Sau khi ngậm ngang chiếc lá ở giữa hai môi người thổi kèn lá không dùng tay giữ mà dùng môi để giữ. Kết hợp giữa việc sử dụng lưỡi và hơi đẩy ra qua kẽ hở của môi và lá sẽ phát ra âm thanh khác nhau. Dùng ngón tay trỏ và ngón tay cái ở hai bàn tay để giữ hai đầu của lá sau khi đã ngậm ở môi cách này thường hay sử dụng hơn vì nó vừa tạo nên sự chắc chắn, tạo dáng cho người sử dụng cũng như tiện hơn trong việc dùng hơi, lưỡi kết hợp với môi để tạo ra âm thanh.

**Ống hát** “Gầu trầu chặng” - Hát ống là một hình thức sinh hoạt văn hoá - âm nhạc khá phổ biến của người Mông. Cấu tạo của ống hát rất đơn giản chỉ bao gồm hai ống mai hoặc ống vầu cắt ngắn khoảng 20cm đường kính 10cm. Một đầu để hở còn một đầu được bịt bằng bóng bò, có một sợi chỉ lanh chạy xuyên qua hai ống hát để nối với nhau và có tác dụng truyền âm.

Khi hát ống thì một đầu hát còn một đầu nghe, đối tượng hát ống thường là những người đã yên bề gia thất hoặc những đám trai gái hát đối nhau... khoảng cách giữa hai ống hát thường từ 100-200m. Âm thanh sẽ truyền qua sợi lanh nối giữa hai ống tới bên người nghe.

Hát ống là một hình thức sinh hoạt tập thể thường chỉ diễn ra ở các lễ hội hay các phiên chợ đông người ngoài bãi chơi. Nội dung hát ống tuỳ thuộc vào đối tượng nghe để điều chỉnh sao cho hợp lý, đó có thể là những lời nhắc nhở, khuyên răn, trách mắng... đối với những đối tượng hay mắc. Cũng có thể nội dung bài hát là những lời hát lý, những lời tâm sự chân thành đối với những người đứng đắn... Hay còn có những tốp hát đối đáp giữa đám con trai, con gái cùng bản hoặc khác bản hát đối đáp với nhau.

1. **Nguy cơ mai một và mất mát một nét văn hóa truyền thống**

Nhạc cụ nói riêng và nghệ thuật trình diễn truyền thống nói chung của đồng bào người Mông tuy giản đơn nhưng lại phong phú về cách diễn đạt âm thanh, cảm xúc và có vị trí không thể thiếu trong đời sống văn hoá của đồng bào. Trong thời kỳ hội nhập như hiện nay để phát triển “hòa nhập” mà không bị hòa tan, mất bản sắc, thì việc bảo tồn văn hóa dân tộc đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, tâm huyết, bền bỉ, lâu dài. Nhưng để làm được điều đó là rất khó.

Hiện nay, môi trường tự nhiên cũng như sinh kế tộc người đang thay đổi nên văn hóa cộng đồng của người Mông cũng biến đổi nhanh chóng. Trong đó có sự mai một và mất mát của nghệ thuật trình diễn, trong đó có âm nhạc và các nhạc cụ đang ngày càng ít dần. Quan sát các bản người Mông ở Kỳ Sơn có thể thấy rõ điều đó. Số lượng thanh niên trong các bản hiện nay đi ra làm ăn sinh sống ở các đô thị nhiều hơn. Số người ở lại làng bản chủ yếu là người già và trẻ em. Những người già vẫn có ý thức trong việc gìn giữ các nét văn hóa truyền thống của mình, nhưng những người trẻ thì khác. Một mặt, họ vẫn yêu thích các nhạc cụ và âm nhạc của dân tộc mình và khi có điều kiện vẫn thực hành, trình diễn các giai điệu đó. Nhưng mặt khác, họ cũng tiếp thu nhiều nền âm nhạc khác của xã hội hiện đại. Ngày trước, lên nương rẫy làm việc, họ hát cho nhau những khúc tình ca, hay thổi khèn, thổi sáo cho nhau nghe. Còn bây giờ, nhiều bạn trẻ lại chọn đeo tai nghe để nghe các bài hát từ điện thoại của mình. Trong các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, bên cạnh các âm nhạc truyền thống họ cũng nghe âm nhạc hiện đại. Những người trẻ vẫn biết sử dụng các loại nhạc cụ truyền thống như kèn, trống, sáo nhưng họ biết ít bài hơn và biểu diễn không được hay như những người già. Đó là những tín hiệu cho thấy đang hiện hữu nguy cơ làm mai một, mất mát trong nghệ thuật trình diễn nói chung và âm nhạc, nhạc cụ của người Mông nói riêng.

Để bảo tồn, phát huy các yếu tố văn hóa truyền thống, trong đó có nhạc cụ và nghệ thuật trình diễn của người Mông trong bối cảnh hiện nay cũng là vấn đề phức tạp. Chính quyền cần có những chính sách hỗ trợ để khôi phục, bảo tồn các giai điệu, các nhạc cụ truyền thống. Tạo ra nhiều sinh hoạt có ý nghĩa và thu hút được người dân tham gia. Gắn việc bảo tồn với phát huy các giá trị văn hóa vào phát triển kinh tế như du lịch cộng đồng để người dân có động lực gìn giữ hơn. Điều quan trọng nhất là chính người dân phải có ý thức trong việc bảo tồn văn hóa truyền thống của mình. Họ biết trân trọng và nâng niu nó, gắn nó vào cuộc sống sinh hoạt thì may ra mới giữ được.